

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/DS-PT

Ngày: 06 - 5 - 2020

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu.

Bà Trần Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 170/2019/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 87/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Ngô Diệu T**, sinh năm 1941;

Địa chỉ: Số 165/60, đường N, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Anh **Trịnh Văn H**, sinh năm 1981; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Giấy ủy quyền số công chứng 009162 ngày 10 tháng 12 năm 2018)

- Bị đơn: Ông **Phan Quế S** (Phan Quei S), sinh năm 1945; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã MĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Bùi Thị U**, sinh năm 1957; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã MĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngô Diệu T.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Ngô Diệu T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là anh Trịnh Văn H trình bày:*

Năm 2003, ông Phan Quế S và bà Bùi Thị U giới thiệu cho ông T mua nhà đất tại địa chỉ ấp M, xã MĐ, huyện C của người phụ nữ tên thường gọi là U1 với giá 23 lượng vàng 24k, hình thức trả là chia làm nhiều lần. Ông T đưa vàng cho ông S và bà Bùi Thị U giao lại cho người bán là bà U1. Có một lần ông T giao cho V là con của bà U1. Đến năm 2010, ông T giao đủ 23 lượng vàng 24k, thời điểm này ông T còn quốc tịch Mỹ nên nhờ ông S đứng tên làm thủ tục giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng do ông S cũng mang quốc tịch Mỹ nên để cho bà Bùi Thị U là vợ của ông S đứng tên. Năm 2012, ông T và ông S hồi hương và mang quốc tịch Việt Nam. Năm 2016, ông T gặp ông S và bà U yêu cầu làm thủ tục chuyển tên cho ông T thì được biết năm 2010 ông S và bà Bùi Thị U đã bán lại nhà đất cho bà U1 (người bán trước đây). Khi tranh chấp tại biên bản làm việc ngày 29/11/2018 thì ông S và vợ là bà U cam kết trả lại 24 lượng vàng 24k gồm 23 lượng mua bán và 01 lượng đền bù cho ông T. Tuy nhiên, ông S và bà U không thực hiện. Nay ông T yêu cầu ông S phải trả cho ông 24 lượng vàng 24k, tương đương 835.200.000 đồng.

- *Bị đơn ông Phan Quế S trình bày:*

Ông và ông T là người Hoa cùng sống tại Sài Gòn nên kết thân với nhau. Sau này ông T xuất cảnh qua Mỹ nhưng thường xuyên về Việt Nam và đến thăm ông, trong thời gian này ông T gợi ý sẽ cho ông số tiền mua vài công đất để cùng nhau làm vườn, cất nhà để khi ông T về Việt Nam thì có nơi để ở. Từ gợi ý của ông T và có quen biết với bà U1 tại ấp M, xã MĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang có nhu cầu bán trên 2.000m² đất vườn nên ông nói với ông T nghe và ông T đồng ý mua thửa đất này cho ông. Năm 2003, ông và vợ là bà Bùi Thị U làm hợp đồng chuyển nhượng với bà U1 mua đất với giá 260.000.000 đồng. Số tiền này ông T kêu ông lên thành phố Hồ Chí Minh nhận khoảng 05 lần để về trả cho bà U1, do là mua cho vợ chồng ông nên để cho vợ chồng ông đứng tên, mỗi lần về Việt Nam ông T đều đến đây và không có thắc mắc gì. Năm 2007, vợ chồng ông chuyển nhượng đất trở lại cho bà U1 với giá 250.000.000 đồng và hiện nay bà U1 đã đứng tên, sau khi bán thì ông T cũng nhiều lần về chơi có biết và cũng không có ý kiến gì. Nay ông T yêu cầu thì ông không đồng ý vì đây là số tiền ông T tặng cho ông do quan hệ kết nghĩa và khi thực hiện thì không có tranh chấp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị U trình bày:* Bà thống nhất và có yêu cầu như theo lời trình bày của ông S.

- Bản án sơ thẩm số: 170/2019/DS-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Diệu T ủy quyền cho anh Trịnh Văn H về việc yêu cầu ông Phan Quế S (Phan Quei S) phải trả 24 lượng vàng 24k.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 03/10/2019, nguyên đơn Ngô Diệu T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 170/2019/DS-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả 24 lượng vàng 24k, tương đương 835.200.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Ngày 07/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị tại quyết định kháng nghị số: 46/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm số 170/2019/DSST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, với nội dung sửa án sơ thẩm, chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Trịnh Văn H là người đại diện cho ông Ngô Diệu T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Diệu T. Bị đơn Phan Quế S (Phan Quei S) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị U đều không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Diệu T. Các đương sự không có thỏa thuận với nhau việc giải quyết tranh chấp.

Về phía đại diện Viện kiểm sát đề nghị chưa xét nội dung quyết định kháng nghị số 46/QĐ-KNPT-VKS-DS ngày 07/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang vì cần phải xem xét lại thủ tục tố tụng của Tòa sơ thẩm.

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án từ khi thụ lý phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án đều được tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng với luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Diệu T đòi ông Phan Quế S trả 24 lượng vàng 24k mà không tiến hành thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ của vụ án như hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị U với bà Nguyễn Thị UH, ai là người tham gia giao kết việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, việc chuyển nhượng thực chất bằng tiền hay bằng vàng. Tòa sơ thẩm lấy lời khai bà UH và anh V là những người bán đất và nhận vàng nhưng không đưa họ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và nhân chứng là những thiếu sót nghiêm trọng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm số

170/2019/DSST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, chuyển hồ sơ vụ án Tòa sơ thẩm xét xử lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên. Xét thấy:

[1] Nguyên đơn Ngô Diệu T thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, theo đúng trình tự thủ tục theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Viện kiểm sát kháng nghị án sơ thẩm đúng thời hạn được quy định tại khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại 24 lượng vàng nhờ mua đất theo biên bản cam kết ngày 19/11/2018 nên tòa sơ thẩm xác định tranh chấp “Đòi tài sản” là đúng với tính chất của vụ án và thuộc phạm vi giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 11, 164, 166, 167 của Bộ luật Dân sự.

[3] Nội dung tranh chấp: Nguyên đơn Ngô Diệu T ủy quyền cho Trịnh Văn H trình bày: Vào năm 2003, ông S và bà U giới thiệu cho ông T mua nhà và đất của bà UH tại ấp M, xã MĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang với giá 23 lượng vàng 24k. Ông T đã đưa vàng cho ông S, bà U nhiều lần để trả cho người bán đất đến năm 2010 thì đủ 23 lượng vàng. Vào thời điểm đó, ông T và ông S còn mang quốc tịch Mỹ nên nhờ bà Bùi Thị U là vợ ông S đứng tên sang nhượng nhà đất. Năm 2012, ông T hồi hương về Việt Nam, năm 2016 ông T yêu cầu ông S, bà U làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng nhà đất cho ông thì được biết ông S, bà U đã bán lại nhà đất cho chủ cũ trước đó là bà Nguyễn Thị UH nên phát sinh tranh chấp. Ngày 29/11/2018, ông S, bà U cam kết trả lại 23 lượng vàng và đền bù 01 lượng cho ông T tổng cộng 24 lượng. Nhưng sau đó ông S, bà U không thực hiện, nên ông T khởi kiện yêu cầu ông S, bà U trả lại ông 24 lượng vàng 24kr tương đương 835.200.000 đồng.

Bị đơn ông Phan Quế S trình bày: Ông và ông T là bạn thân hồi ở Sài Gòn. Sau khi ông T qua Mỹ thì thường xuyên về Việt Nam đến thăm ông có gợi ý cho ông tiền mua vài công đất để cùng nhau làm vườn. Qua gợi ý của ông T thì ông biết bà UH ở ấp M, xã MĐ, huyện C có nhu cầu bán 2.000m² đất vườn nên ông báo với ông T biết và ông T đồng ý mua thửa đất đó cho ông. Tiền mua đất do ông T kêu ông lên Thành phố Hồ Chí Minh nhận nhiều lần về trả cho bà UH. Năm 2013, vợ ông là bà Bùi Thị U làm hợp đồng chuyển nhượng với bà UH với giá 260.000.000 đồng. Đến năm 2007 thì vợ chồng ông chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngược lại cho chủ cũ là bà UH với giá 250.000.000 đồng. Sau khi bán ông T nhiều lần về chơi có biết nhưng không ý kiến gì. Nay ông T yêu cầu ông trả vàng ông không đồng ý vì số tiền đó ông T đã tặng cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị U thống nhất theo lời trình bày của ông S.

Án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đòi ông S trả 24 lượng vàng 24kr. Ngày 03/10/2019, ông Ngô Diệu T kháng cáo, ngày 07/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

[4] Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Vào năm 2003, bà Bùi Thị U là vợ ông S có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị UH tại ấp M, xã MĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nguyên đơn và bị đơn khai thống nhất tiền mua đất là của ông T đưa nhiều lần cho ông S nhận về giao lại cho người bán đất là bà UH và anh Nguyễn Minh V (con bà UH). Nhưng ông T khai đưa vàng cho ông S mua đất dùm vào năm 2003 đến năm 2010 là 23 lượng vàng 24kr, còn bị đơn S khai ông T cho tiền mua đất. Vào năm 2003 là 260.000.000 đồng, đến năm 2007 chuyển nhượng ngược lại cho chủ đất cũ là bà Nguyễn Thị UH với giá 250.000.000 đồng. Thế nhưng quá trình thụ lý giải quyết, Tòa sơ thẩm không tiến hành đầy đủ các thủ tục thu thập chứng cứ của vụ án đó là:

[4.1] Không thu thập tài liệu hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị UH với bà Bùi Thị U vào năm 2003 và giữa bà Bùi Thị U với bà Nguyễn Thị UH vào năm 2007 như bà U khai.

[4.2] Tòa sơ thẩm tiến hành lấy lời khai anh V (bút lục 26) và lời khai bà UH (bút lục 27) nhưng không đưa hai người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và nhân chứng để xem xét số tiền giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà UH với bà U là vàng hay tiền là thiếu sót làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

[4.3] Không thu thập bản chính biên bản làm việc giữa ông T với ông S do anh Trịnh Văn H lập ngày 29/11/2018 và tiến hành đối chất xem nội dung biên bản đó có đúng sự thỏa thuận của ông S hay không vì ông S khai không rành tiếng Việt nên ký đại.

[4.4] Việc ông T đưa tiền cho ông S mua nhà đất của bà UH là có thật được ông S thừa nhận. Nhưng ông T khai đưa vàng mua đất là 23 lượng, còn ông S khai ông T đưa tiền mua đất nhiều lần là 260.000.000 đồng. Tòa sơ thẩm không đưa bà UH tham gia tố tụng để xác định thời điểm bà chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà U là bằng tiền mặt hay bằng vàng là thiếu sót làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm ông S, bà U khẳng định chỉ nhận 260.000.000 đồng của ông T mua đất vào năm 2003, còn người đại diện của ông T cho rằng ông T đưa vàng cho ông S mua đất làm nhiều lần kéo dài từ năm 2003 đến năm 2010 tổng cộng 23 lượng vàng. Đây là những tình tiết phát sinh chưa được Tòa sơ thẩm thu thập tài liệu xác định được sự thật nên quyết định xử thiếu căn cứ.

[6] Xét các thiếu sót của Tòa sơ thẩm là nghiêm trọng mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được nên phải hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Do hủy án sơ thẩm để xét xử lại nên chưa xét đến quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C và đơn kháng cáo của ông Ngô Diệu T.

[7] Về án phí phúc thẩm: Ông Ngô Diệu T không phải chịu.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 170/2019/DS-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Ông Ngô Diệu T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.
- Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải